

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2024/HS-ST

Ngày: 28-11-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trí Chấn

2. Bà Lê Thị Hoàng Diễm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông Trần Minh Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lâm Quốc K, sinh năm 1999; tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; T: Không; Q: Việt Nam; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Lâm Thành P và bà Nguyễn Thị Ngọc T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự.

- Ngày 05/01/2023 bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi: khai thác cát lòng sông mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không gắn số đăng ký của phương tiện; không mang theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định; không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đối với thuyền viên theo quy định phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng tư tổng số tiền xử phạt là 70.500.000 đồng theo Quyết định số 15/QĐ –XPHC (Chưa đóng phạt).

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Hoàng S, sinh năm 1988; tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; T: Không; Q: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Văn Q và bà

Nguyễn Thị L; Bị cáo có vợ tên Võ Thị Tuyết L1, có 01 người con sinh năm 2015; Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự.

- Ngày 23/3/2024 bị Công an thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số 01/QĐ –XPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:* Đỗ Thanh T1, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1992; Cùng trú tại: Số B, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Lâm Thành P, sinh năm 1966; Trú tại: Số B, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

+ Nguyễn Vũ P1, sinh năm 1986; Trú tại: Số B, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ, ngày 17/6/2024, Lâm Quốc K trong lúc đi câu ngang nhà ông Đỗ Thanh H thuộc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, K thấy xe mô tô biển số 71B1-343.57 của anh Đỗ Thanh T1 đang dựng trước cửa không có người trông nên nảy sinh ý định lấy trộm. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 18/6/2024, K điều khiển xe mô tô biển số 71K6-8087 qua nhà Lê Hoàng S rủ S đến nhà ông H để lấy trộm xe, được S đồng ý. Khi đến nơi, K chỉ cho S xe mô tô biển số 71B1-343.57 của anh T1 dựng trên xe có cắm sẵn chìa khóa, S đi vào lấy trộm xe dẫn ra ngoài. Khi lấy được xe, K điều khiển xe mô tô 71K6-8087 chạy về nhà của mình tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre còn S điều khiển xe vừa trộm được về nhà của S tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, S đem xe mô tô biển số 71B1-343.57 đến cửa hàng điện thoại di động V tại ấp T, xã A do ông Nguyễn Vũ P1 làm chủ cầm được số tiền 3.500.000 đồng. S chia cho K 1.500.000 đồng, số tiền còn lại S tiêu xài cá nhân. Sau khi phát hiện mất trộm anh T1 đến Công an xã P trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ:

- Một xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu bạc xám đen, biển số 71B1-343.57 số khung: 2702BY856294, số máy: JF27E1037768 đã qua sử dụng.

- Một xe mô tô nhãn hiệu Honda SUPERDREAM màu nâu, biển số 71K6-8087 số khung: RLHHA08083Y569558, số máy: HA08E0569593 đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá số 1287/KL-HĐĐG ngày 05/8/2024 của Hội đồng định giá huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda, AIRBLADE màu bạc xám đen biển số 71B1-343.57 trị giá 8.300.000 đồng.

Cáo trạng số 93/CT-VKSCT ngày 25/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Lâm Quốc K và Lê Hoàng S về “*Tội Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lâm Quốc K từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Hoàng S từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường.

- Buộc bị cáo Lâm Quốc K và bị cáo Lê Hoàng S liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Vũ P1 số tiền 3.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả lại một xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu bạc xám đen, biển số 71B1-343.57 số khung: 2702BY856294, số máy: JF27E1037768 đã qua sử dụng cho chủ sở hữu Đỗ Thanh T1; đã trả xe mô tô nhãn hiệu Honda SUPERDREAM màu nâu, biển số 71K6-8087 số khung: RLHHA08083Y569558, số máy: HA08E0569593 cho chủ sở hữu là ông Lâm Thành P (cha ruột K).

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và nói lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được lỗi của các bị cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt. Các bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị

cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với biên bản sự việc và các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở xác định: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 18/6/2024, tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, Lâm Quốc K rủ và cùng Lê Hoàng S, có hành vi lén lút lấy trộm một xe mô tô biển số 71B1-343.57 của anh Đỗ Thanh T1. Giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 8.300.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Lâm Quốc K và bị cáo Lê Hoàng S đã phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Các bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Trên thực tế, các bị cáo đã thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản như ý định của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nên cần phải được xử lý nghiêm và kịp thời.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo cùng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo S còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ có con nhỏ chưa thành niên, có ông nội là người có công với cách mạng được tặng kỷ niệm chương quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên phải bị xử lý theo chế định đồng phạm. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự tổ chức, không có cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Mặc dù bị cáo S có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn nhưng xét vai trò của từng bị cáo: Bị cáo K là người khởi xướng, rủ rê bị cáo S đi trộm cắp tài sản; bị cáo S là người thực hành, trực tiếp lấy trộm tài sản và mang tài sản trộm cắp được đi cầm để lấy tiền chia cho bị cáo K 1.500.000 đồng. Do đó, cả hai bị cáo chịu hình phạt như nhau.

[7] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cùng với nhân thân xấu (các bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính chưa được xóa tiền sự), bản tính xem thường pháp luật của các bị cáo nên cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do các bị cáo có nhân thân xấu, có tiền sự nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

[8] Trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện C đã trả lại một xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu bạc xám đen, biển số 71B1-343.57 số khung: 2702BY856294, số máy: JF27E1037768 đã qua sử dụng cho anh Đỗ Thanh T1 xong và anh T1 không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

Ông Nguyễn Vũ P1 yêu cầu bị cáo Lâm Quốc K, bị cáo Lê Hoàng S liên đới bồi thường số tiền 3.500.000 đồng tiền cầm xe. Các bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận. Buộc bị cáo Lâm Quốc K, bị cáo Lê Hoàng S liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Vũ P1 số tiền 3.500.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda SUPERDREAM màu nâu, biển số 71K6-8087 số khung: RLHHA08083Y569558, số máy: HA08E0569593 quá trình điều tra xác định ông Lâm Thành P (cha ruột K) là chủ sở hữu, khi bị cáo K lấy xe đi thực hiện hành vi phạm tội, ông P không biết, Cơ quan CSĐT - Công an huyện C đã trả lại xe cho ông P xong nên không xét đến.

[10] Đối với Nguyễn Vũ P1 là người cầm xe mô tô biển số 71B1 – 343.57 do K và S trộm cắp nhưng P1 không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo chịu trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lâm Quốc K, Lê Hoàng S phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”.

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lâm Quốc K **09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng S **09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[3] Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 589; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận Cơ quan CSĐT - Công an huyện C đã trả lại một xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE màu bạc xám đen, biển số 71B1-343.57 số khung: 2702BY856294, số máy: JF27E1037768 đã qua sử dụng cho anh Đỗ Thanh T1 xong và anh T1 không có yêu cầu gì khác.

- Buộc bị cáo Lâm Quốc K, bị cáo Lê Hoàng S liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Vũ P1 số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lâm Quốc K, bị cáo Lê Hoàng S mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lâm Quốc K, bị cáo Lê Hoàng S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (3b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND xã An Hiệp, Phú Túc (2b);
- Những người tham gia tố tụng (5b);
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền